

TỔNG HỢP TIẾN ĐỘ ĐÀO HỒ VÀ TRỒNG CÀ PHÊ NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-TTCUDVC, ngày tháng 7 năm 2026 của Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công)

STT	Thôn	Cà phê chè			
		Diện tích (ha)	Số hố đào	Số cây đã trồng (cây)	Ghi chú
1	Kon Pia	14,4	72.000	36.200	
2	Ty Tu	21,6	108.000	70.000	
3	Ngọc Leang	21,4	107.000	70.000	
4	Tu Mơ Rông	26,0	130.000	100.000	
5	Long Leo	4,8	24.000	10.000	
6	Tu Cáp	7,6	38.000	15.000	
7	Đăk Neang	9,0	45.000	40.000	
Tổng		104,8	524.000	341.200	